

Số: 20 /NQ-HĐND

Thới Bình, ngày 24 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Dự toán ngân sách xã Thới Bình năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THỚI BÌNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chi tiết dự toán ngân sách năm 2026 các xã, phường;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc thông qua Nghị quyết dự toán ngân sách xã Thới Bình năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân xã;

Hội đồng nhân dân xã Thới Bình khóa XII, kỳ họp thứ Tư đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách xã Thới Bình năm 2026, gồm:

- | | |
|--|--------------------|
| - Tổng thu Ngân sách NN trên địa bàn xã: | 1.700 triệu đồng |
| - Tổng nguồn thu ngân sách xã: | 162.918 triệu đồng |

Trong đó:

- | | |
|--------------------------------------|--------------------|
| + Các khoản thu xã được hưởng 100%: | 1.270 triệu đồng |
| + Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh: | 147.336 triệu đồng |
| + Thu bổ sung có mục tiêu: | 14.312 triệu đồng |
| - Tổng chi ngân sách xã: | 162.918 triệu đồng |

Trong đó:

- | | |
|--------------------------|--------------------|
| + Chi đầu tư phát triển: | 13.885 triệu đồng |
| + Chi thường xuyên: | 146.119 triệu đồng |
| + Dự phòng ngân sách: | 2.914 triệu đồng |

Điều 2. Một số giải pháp thực hiện dự toán ngân sách năm 2026

1. Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các ngành cấp xã tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp về điều hành ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính; chủ động tổ chức rà soát, đánh giá đầy đủ, kịp thời những tác động đến tình hình thu ngân sách, đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 và chi ngân sách hiệu quả, tiết kiệm.

2. Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế để tạo nguồn thu ngân sách bền vững. Tăng cường công tác khai thác các nguồn thu, sắc thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật. Thực hiện các biện pháp xử lý thu hồi nợ đọng thuế, hành vi gian lận, trốn thuế.

3. Tiếp tục thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện nghiêm chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trong đầu tư xây dựng cơ bản cần tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành; chỉ bố trí vốn cho các dự án, công trình đủ điều kiện ghi kế hoạch vốn theo quy định, ưu tiên các dự án, công trình bức xúc, trọng điểm; đẩy nhanh tiến độ giải ngân và không để phát sinh nợ đọng đầu tư. Thúc đẩy và xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và một số lĩnh vực khác.

4. Trong quá trình điều hành ngân sách năm 2026, Ủy ban nhân dân xã phân đầu thu vượt dự toán được giao để cân đối chi những nhiệm vụ cấp thiết. Xây dựng điều hành dự toán ngân sách gắn chặt với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Điều 3. Ủy ban nhân dân xã triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình điều hành nếu có phát sinh, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định theo luật định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Thới Bình khóa XII, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Ban TT.UBMTTQVN xã;
- TT. Đảng ủy;
- UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Trần Thị Kiều Yến**



Biểu mẫu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: Triệu đồng

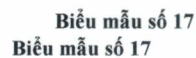
STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước Thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So Sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	31.880	209.248,4	162.918,0	-40.182,98	5,89
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.287	1.287,0	1.270,0	-17,00	0,99
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.287	1.287,0	1.270,0	-17,00	0,99
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	30.593	201.814,0	161.648,0	-40.165,98	4,90
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	30.593	30.593,0	147.336,0	116.743,00	4,82
2	Thu bổ sung có mục tiêu		171.221,0	14.312,0	-156.908,98	0,08
IV	Thu kết dư		756,8			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.390,6			
B	TỔNG CHI NSDP	31.880	201.377,8	162.918,0	-38.459,76	0,81
I	Tổng chi cân đối NSDP	31.880	31.169,6	162.918,0	131.748,37	4,69
1	Chi đầu tư phát triển		0,0	13.885,0	13.885,00	
2	Chi thường xuyên	31.255	31.169,6	146.119,0	114.949,37	4,69
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng ngân sách	625		2.914,0	2.914,00	
6	Chi nộp ngân sách cấp trên					
7	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
II	Chi các chương trình mục tiêu		170.208,1	0,0	-170.208,1	0,00
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		3.710,8		-3.710,78	0,00
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		166.497,4	0,0	-166.497,36	0,00
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					

ĐỀ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Biểu mẫu số 16

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	7.734,0	1.287,0	1.700,0	1.270,0	21,98	98,68
I	Thu nội địa	7.734,0	1.287,0	1.700,0	1.270,0	21,98	98,68
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	221,7	41,2	0,0	0,0		
	- Thuế giá trị gia tăng	0,0					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	221,7	41,2				
	- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
	- Thu khác ngoài quốc doanh						
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.152,4	0,0	0,0	0,0		
	- Thuế giá trị gia tăng	3.047,7					
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	80,5					
	- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	2,3					
	- Thuế tài nguyên	21,8					
	- Thu khác ngoài quốc doanh	0,0					
3	Thuế thu nhập cá nhân	2.494,2					
4	Lệ phí trước bạ	670,0	670,0	660,0	660,0	98,51	98,51
5	Thu phí, lệ phí	696,2	390,4	660,0	440,0	94,80	112,71
-	Phí và lệ phí trung ương	247,8		220,0		88,8	
-	Phí và lệ phí tỉnh	58,0					
-	Phí và lệ phí địa phương quản lý	390,4	390,4	440,0	440,0	112,7	112,7
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10,5	10,5				
7	Các khoản thu về nhà, đất			10,0	10,0		
8	Thu khác ngân sách	489,1	175,0	370,0	160,0	75,65	91,43
	Thu khác ngân sách Trung ương	314,1		210,0		66,85	
	Thu khác ngân sách địa phương	175,0	175,0	160,0	160,0		



(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	31.880	162.918	17.217,86	35.639,14
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	31.880	162.918	17.217,86	35.639,14
I	Chi đầu tư phát triển	0	13.885	0,00	0,00
1	Chi đầu tư cho các dự án		13.885		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	31.255	146.119	17.217,86	35.014,14
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	452	90.874	96,11	378,89
	+ Chi sự nghiệp giáo dục		90.399		
	Trong đó: bổ sung có mục tiêu các chính sách ASXH		1.206		
	+ Chi đào tạo và dạy nghề	452	475	96,11	378,89
2	Chi khoa học và công nghệ		280		
3	Chi quốc phòng	1.592	2.355	1.030,65	1.324,35
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.311	2.051	1.125,01	925,99
5	Chi y tế, dân số và gia đình		3.208		
	Trong đó: bổ sung có mục tiêu các chính sách ASXH		3.208		
6	Chi văn hóa thông tin	213	1.168	58,88	1.109,12
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	102	210	12,01	197,99
8	Chi thể dục thể thao	65	110	40,03	69,97
9	Chi bảo vệ môi trường	90	150	38,25	111,75
10	Chi các hoạt động kinh tế	9.112	5.500	5.568,85	-68,85
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	16.566	27.708	8.683,55	19.024,45
12	Chi bảo đảm xã hội	442	10.528	407,68	10.120,32
	Trong đó: bổ sung có mục tiêu các chính sách ASXH		10.078		
13	Chi thường xuyên khác	310	1.977	156,83	1.820,17
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	625	2.914		625,00
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		0		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)		0		